

Bản án số: 78/2026/HS-ST
Ngày: 20 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Lệ Hằng.

2. Ông Nguyễn Văn Quýnh

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Thảo, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đặng Đức Trung, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Thị Thanh H**, tên gọi khác: không, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1983, tại tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: **khu A, phường M, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đinh Khắc H1** và bà **Bùi Thị L**; chồng: **Lê Văn C** và 02 con. Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/01/2026 đến ngày 10/01/2026, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh, hiện tại ngoại. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1968, nơi cư trú: **khu phố H, phường M, tỉnh Quảng Ninh** Vắng mặt.

2/ Bà **Đặng Thị H2**, sinh năm 1976; nơi cư trú: **thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh**. Vắng mặt.

3/ Bà **Hoàng Kim O**, sinh năm 1975; nơi cư trú: **khu phố K, phường M, tỉnh Quảng Ninh**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2025, do muốn có thêm thu nhập để chi tiêu cá nhân nên **Đinh Thị Thanh H** nảy sinh ý định cho người khác vay để lấy lãi suất cao với hình thức cho vay trả góp, theo đó người vay phải trả cả tiền gốc và tiền lãi theo ngày. Thời hạn vay từ 40 ngày đến 60 ngày với lãi suất tương đương từ 121,66% /năm đến 146% /năm. Khi đến thời hạn, người vay chưa trả được hết tiền gốc, lãi thì được vay gói mới để trả gói cũ, gói vay mới sẽ tính lãi tùy theo hình thức vay. Nếu người vay không có nhu cầu vay thêm thì thỏa thuận với **H** sẽ trả muợn khoản vay của mình, **H** cũng không yêu cầu họ phải trả thêm lãi của khoản vay. Khi cho vay hoặc thanh toán lãi gốc giữa **H** và người vay bằng hình thức chuyển khoản. Người vay tiền khi vay không phải thế chấp tài sản hay giấy tờ gì.

Khoảng thời gian từ tháng 01/2025, **H** đã cho 03 người vay tiền gồm các chị **Nguyễn Thị N**, **Đặng Thị H2** và chị **Hoàng Thị Kim O** vay tiền, cụ thể:

- Chị **Nguyễn Thị N** vay tiền 08 lần: thời gian vay đều là 50 ngày với mức lãi suất đều là 146% / 01 năm.

Lần 1: Ngày 12/01/2025, **H** cho chị **N** vay số tiền 30.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **N** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Đến ngày 26/02/2025, chị **N** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 17.520.000 đồng, chị **N** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 11.520.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

Lần 2: Ngày 27/02/2025, **H** cho chị **N** vay số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm số tiền 11.520.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 1). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **N** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Đến ngày 30/3/2025, chị **N** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 22.320.000 đồng, chị **N** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 13.680.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

Lần 3: Ngày 31/3/2025, **H** cho chị **N** vay số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm số tiền 13.680.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 2). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **N** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Đến ngày 09/5/2025, chị **N** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 23.040.000 đồng, chị **N** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 12.960.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

Lần 4: Ngày 10/5/2025, **H** cho chị **N** vay số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm số tiền 12.960.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 3). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **N** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Đến ngày 13/6/2025, chị **N** đã trả được cho **H** số tiền gốc và

số tiền lãi của khoản vay này tổng là 21.600.000 đồng, chị **N** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 14.400.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

Lần 5: Ngày 14/6/2025, **H** cho chị **N** vay số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm số tiền 14.400.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 4). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **N** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Đến ngày 24/7/2025, chị **N** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 21.600.000 đồng, chị **N** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 14.400.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

Lần 6: Ngày 25/7/2025, **H** cho chị **N** vay số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm số tiền 14.400.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 5). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **N** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Đến ngày 28/8/2025, chị **N** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 21.600.000 đồng, chị **N** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 14.400.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

Lần 7: Ngày 29/8/2025, **H** cho chị **N** vay số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm số tiền 14.400.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 6). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **N** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Đến ngày 08/10/2025, chị **N** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 18.000.000 đồng, chị **N** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 18.000.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

Lần 8: Ngày 09/10/2025, **H** cho chị **N** vay số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm số tiền 18.000.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 7). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **N** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.000.000 đồng. Chị **N** đã trả cho **H** toàn bộ số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 36.000.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

Như vậy, **Đinh Thị Thanh H** cho chị **Nguyễn Thị N** vay tiền 08 lần, **H** đã nhận số tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận của chị **N** với tổng số tiền **H** cho vay là 240.000.000 đồng, tiền gốc thực tế **H** đã chuyển cho chị **N** là 140.640.000 đồng; số tiền lãi là 48.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà **H** đã thu của chị **N** là 6.575.342 đồng, số tiền lãi suất vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** thu lợi bất chính là 41.424.658 đồng, **H** đã nhận đủ số tiền thu lợi bất chính này.

- Chị **Đặng Thị H2** vay tiền 05 lần: thời gian vay đều là 60 ngày với mức lãi suất đều là 121,66% / 01 năm.

Lần 1: Ngày 27/02/2025, **H** cho chị **H2** vay số tiền 40.000.000 đồng. Theo thoả thuận, khi kết thúc khoản vay chị **H2** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 48.000.000 đồng. Đến ngày 26/4/2025, chị **H2** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 28.500.000 đồng, chị **H2** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 19.500.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 6.684.932 đồng.

Lần 2: Ngày 27/4/2025, **H** cho chị **H2** vay số tiền 40.000.000 đồng (bao gồm số tiền 19.500.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 1). Theo thoả thuận, khi kết thúc khoản vay chị **H2** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 48.000.000 đồng. Đến ngày 23/6/2025, chị **H2** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 36.000.000 đồng, chị **H2** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 12.000.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 6.684.932 đồng.

Lần 3: Ngày 24/6/2025, **H** cho chị **H2** vay số tiền 40.000.000 đồng (bao gồm số tiền 12.000.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 2). Theo thoả thuận, khi kết thúc khoản vay chị **H2** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 48.000.000 đồng. Đến ngày 13/8/2025, chị **H2** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 31.200.000 đồng, chị **H2** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 16.800.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 6.684.932 đồng.

Lần 4: Ngày 14/8/2025, **H** cho chị **H2** vay số tiền 40.000.000 đồng (bao gồm số tiền 16.800.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 3). Theo thoả thuận, khi kết thúc khoản vay chị **H2** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 48.000.000 đồng. Đến ngày 17/10/2025, chị **H2** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 36.000.000 đồng, chị **H2** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 12.000.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 6.684.932 đồng.

Lần 5: Ngày 18/10/2025, **H** cho chị **H2** vay số tiền 40.000.000 đồng (bao gồm số tiền 12.000.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 4). Theo thoả thuận, khi kết thúc khoản vay chị **H2** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 48.000.000 đồng. Chị **H2** đã trả cho **H** toàn bộ số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 48.000.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 6.684.932 đồng.

Như vậy, **Đinh Thị Thanh H** cho chị **Đặng Thị H2** vay tiền 05 lần, **H** đã

nhận số tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận của chị **H2** với tổng số tiền **H** cho vay là 200.000.000 đồng, tiền gốc thực tế **H** đã chuyển cho chị **H2** là 139.700.000 đồng; số tiền lãi là 40.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà **H** đã thu của chị **H2** là 6.575.342 đồng, số tiền lãi suất vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** thu lợi bất chính là 33.424.658 đồng, **H** đã nhận đủ số tiền thu lợi bất chính này.

- Chị **Hoàng Thị Kim O** vay tiền 08 lần: thời gian vay đều là 60 ngày với mức lãi suất đều là 121,66% / 01 năm.

Lần 1: Ngày 01/01/2025, **H** cho chị **O** vay số tiền 10.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **O** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 12.000.000 đồng. Đến ngày 14/01/2025, chị **O** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 10.400.000 đồng, chị **O** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 1.600.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 2: Ngày 15/01/2025, **H** cho chị **O** vay số tiền 10.000.000 đồng (bao gồm số tiền 1.600.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 1). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **O** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 12.000.000 đồng. Đến ngày 08/3/2025, chị **O** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 10.800.000 đồng, chị **O** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 1.200.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 3: Ngày 09/3/2025, **H** cho chị **O** vay số tiền 10.000.000 đồng (bao gồm số tiền 1.200.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 2). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **O** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 12.000.000 đồng. Đến ngày 30/3/2025, chị **O** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 10.600.000 đồng, chị **O** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 1.400.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 4: Ngày 31/3/2025, **H** cho chị **O** vay số tiền 15.000.000 đồng (bao gồm số tiền 1.400.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 3). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **O** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 18.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2025, chị **O** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 15.200.000 đồng, chị **O** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 2.800.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng.

Lần 5: Ngày 11/5/2025, **H** cho chị **O** vay số tiền 15.000.000 đồng (bao gồm số tiền 2.800.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 4). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **O** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 18.000.000 đồng. Đến ngày 31/5/2025, chị **O** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 13.800.000 đồng, chị **O** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 4.200.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng.

Lần 6: Ngày 01/6/2025, **H** cho chị **O** vay số tiền 15.000.000 đồng (bao gồm số tiền 4.200.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 5). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **O** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 18.000.000 đồng. Đến ngày 09/7/2025, chị **O** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 13.200.000 đồng, chị **O** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 4.800.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng.

Lần 7: Ngày 10/7/2025, **H** cho chị **O** vay số tiền 15.000.000 đồng (bao gồm số tiền 4.800.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 6). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **O** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 18.000.000 đồng. Đến ngày 30/7/2025, chị **O** đã trả được cho **H** số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 12.600.000 đồng, chị **O** còn nợ lại số tiền gốc và số tiền lãi tổng là 5.400.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng.

Lần 8: Ngày 31/7/2025, **H** cho chị **O** vay số tiền 15.000.000 đồng (bao gồm số tiền 5.400.000 đồng nợ chưa trả của khoản vay lần 7). Theo thỏa thuận, khi kết thúc khoản vay chị **O** phải trả cho **H** tổng số tiền gốc và tiền lãi là 18.000.000 đồng. Chị **O** đã trả cho **H** toàn bộ số tiền gốc và số tiền lãi của khoản vay này tổng là 18.000.000 đồng. Tiền lãi vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** đã thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng.

Như vậy, **Đinh Thị Thanh H** cho chị **Hoàng Thị Kim O** vay tiền 08 lần, **H** đã nhận số tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận của chị **O** với tổng số tiền **H** cho vay là 105.000.000 đồng, tiền gốc thực tế **H** đã chuyển cho chị **O** là 83.600.000 đồng; số tiền lãi là 21.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà **H** đã thu của chị **O** là 3.452.055 đồng, số tiền lãi suất vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay mà **H** thu lợi bất chính là 17.547.945 đồng, **H** đã nhận đủ số tiền thu lợi bất chính này.

H đã nhận số tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận của 03 người vay tiền nói trên với tổng số tiền **H** cho vay là 545.000.000 đồng, tổng số tiền lãi **H** thu

được là 109.000.000 đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà **H** đã thu của tất cả người vay là 16.602.739 đồng. Số tiền lãi suất vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay mà **H** thu lợi bất chính theo thỏa thuận là 92.397.261 đồng, **H** đã nhận đủ số tiền thu lợi bất chính này.

Ngày 05/01/2025, **H** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** đầu thú giao nộp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, gắn 01 sim số 0832.975.555.

Căn cứ, công thức tính lãi suất % của **Ngân hàng N1** thì số tiền thu lời bất chính của bị cáo được tính như sau:

Số tiền thu lợi bất chính = Số tiền lãi đã thu - Số tiền được phép thu theo quy định Bộ luật dân sự

=> Số tiền thu lợi bất chính = Số tiền lãi đã thu - (Số dư thực tế x 20% x Số ngày vay thực tế): 365 ngày.

Như vậy xác định, tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 92.397.261 đồng.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSQNH-KV ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: **Nguyễn Thị N**, **Đặng Thị H2**, **Hoàng Thị Kim O** vắng mặt có lời khai tại Cơ quan điều tra xác nhận về thời gian, khoản vay, số lần vay và số tiền lãi phải trả cho bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai. Tại đơn xin xét xử vắng mặt các chị **N**, Huệ và chị **O** đều không có yêu cầu nhận lại số tiền lãi vượt quá 20%.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo **Đinh Thị Thanh H** từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi 06 ngày tạm giữ (quy đổi bằng 18 ngày Cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo **Đinh Thị Thanh H** cho **Ủy ban nhân dân phường M**, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục.

Về khấu trừ thu nhập: xét bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone của bị cáo H; tịch thu tiêu huỷ: 01 sim điện thoại.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 363.940.000 đồng là tiền bị cáo sử dụng để cho vay và 16.602.739 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu. Tổng số tiền tịch thu là 380.542.739 đồng.

Bị cáo không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và trình bày lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 01/2025 đến ngày 29/8/2025, bị cáo Đinh Thị Thanh H có hành vi cho các bà Nguyễn Thị N, Đặng Thị H2 và chị Hoàng Thị Kim O vay tổng số tiền 545.000.000 đồng, với lãi suất từ 121,66% /năm đến 146% /năm và đã thu lợi bất chính số tiền 92.397.261 đồng.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, nên hành vi của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành của tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" thuộc trường hợp *thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, Quảng Ninh truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo mặc dù thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến chính sách Nhà nước về quản lý kinh tế nên vẫn phải xử lý hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ: thấy bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Sau khi xem xét về điều kiện áp dụng các hình thức của hình phạt chính, Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt tiền nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp, thời hạn cải tạo không giam giữ được trừ vào những ngày bị tạm giữ.

[8] Về khấu trừ thu nhập và hình phạt tiền đối với bị cáo: Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có mức thu nhập ổn định, tài sản đang thế chấp ở giao dịch dân sự khác, nên không áp dụng.

[9] Về vật chứng: chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo, dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với thẻ sim gắn trong điện thoại thu giữ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] *Các biện pháp tư pháp:*

Theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì các số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm được xử lý như sau:

- *Về số tiền thực tế bị cáo dùng cho vay nặng lãi:*

Số tiền thực tế bị cáo bỏ ra cho vay sau khi đã trừ các khoản vay mà bị cáo chuyển số vay cũ thành số vay mới thì tổng số tiền cho vay thực tế là: 363.940.000 đồng tịch thu sung ngân sách nhà nước

- *Về số tiền tương ứng với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự* là: 16.602.739 đồng, là số tiền do bị cáo có được bởi hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm Bộ luật Dân sự quy định là số tiền thu lời bất chính do bị cáo đã trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải trả thêm nên không xét.

[11] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Đinh Thị Thanh H** phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*",

2. Về phần hình phạt:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị Thanh H**: 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", (được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ x 3 = 18 ngày). Như vậy bị cáo **Đinh Thị Thanh H** còn phải chấp hành: 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự **Công an tỉnh Q** nhận được Quyết định thi hành án .

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân phường M**, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với **Ủy ban phường M**, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Bị cáo **H** phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo **Đinh Thị Thanh H** .

- *Về các biện pháp ngăn chặn*: áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 88/2026/LCCT-TA, ngày 08/5/2026 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số: 130/QĐ-TA ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh đối với bị cáo.

- *Về các biện pháp tư pháp*: áp dụng: a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền: 380.542.739 đồng (*ba trăm tám mươi triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim gắm trong chiếc điện thoại thu giữ trên.

(*Tình trạng vật chứng, chiếc điện thoại thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 120/2026/THA ngày 11/05/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q với phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Quảng Ninh*)

- Về án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng: khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1,3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng PV06 CA tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND KV 6- Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Bị cáo;
- Phòng THADS KV6- Quảng Ninh;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Nga